

Số: /QĐ-ĐHQGHN

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án “Đầu tư phát triển nhà khoa học xuất sắc, nhóm nghiên cứu mạnh chuẩn quốc tế”

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Căn cứ Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn mới;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Đại học quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Đại học quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-ĐHQGHN ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) về việc ban hành Chiến lược phát triển ĐHQGHN đến năm 2030, tầm nhìn 2045;

Căn cứ Kết luận số 192-KL/ĐU ngày 27 tháng 3 năm 2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy ĐHQGHN về Đề án đầu tư phát triển nhà khoa học xuất sắc và nhóm nghiên cứu mạnh chuẩn quốc tế;

Căn cứ Nghị Quyết số 2026/NQ-HĐ ngày 26 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng ĐHQGHN nhiệm kỳ 2021-2026;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Khoa học và Đổi mới sáng tạo và Trưởng Ban Tổ chức và Thanh tra.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án “Đầu tư phát triển nhà khoa học xuất sắc, nhóm nghiên cứu mạnh chuẩn quốc tế”. Căn cứ nguồn kinh phí được bố trí hằng năm theo đúng quy định pháp luật, các đơn vị xây dựng kế hoạch cụ thể triển khai Đề án đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả (chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng Ban chức năng, Trưởng Khối Văn phòng Đảng - đoàn thể, người đứng đầu đơn vị thành viên, đơn vị trực thuộc và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hội đồng ĐHQGHN (để b/c);
- Đảng ủy ĐHQGHN (để b/c);
- Các Phó Giám đốc ĐHQGHN (để t/h);
- Lưu: VT, KH&ĐMST, N30.

GIÁM ĐỐC

Lê Quân

PHỤ LỤC NỘI DUNG CHI TIẾT CỦA ĐỀ ÁN

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHQGHN ngày tháng năm 2025
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)

I. QUAN ĐIỂM

1. Phát triển đội ngũ nhà khoa học xuất sắc và nhóm nghiên cứu mạnh tại ĐHQGHN nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế, đóng vai trò nòng cốt trong đổi mới giáo dục đại học, nghiên cứu khoa học (NCKH) và chuyển giao công nghệ, góp phần xây dựng nền kinh tế tri thức của Việt Nam.

2. Xây dựng và phát triển nhóm nghiên cứu mạnh đạt chuẩn quốc tế là yêu cầu cấp thiết đối với các đại học hàng đầu, trong đó có ĐHQGHN. Điều này giúp bù đắp sự thiếu hụt các nhà khoa học đầu ngành, nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và công nghệ (KHCN). Đồng thời, chính sách đãi ngộ và môi trường làm việc hấp dẫn sẽ được hoàn thiện để thu hút và giữ chân nhân tài.

3. Huy động tối đa các nguồn lực và xây dựng môi trường nghiên cứu tiên tiến nhằm quy tụ, trọng dụng các nhà khoa học xuất sắc trong và ngoài ĐHQGHN. Việc phát triển các nhóm nghiên cứu mạnh được thực hiện theo hướng tập trung, trọng điểm, phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, khoa học và công nghệ quốc gia, cũng như định hướng phát triển của ĐHQGHN đến năm 2030, tầm nhìn 2045.

4. Ưu tiên phát triển các công nghệ chiến lược trong các giai đoạn ngắn hạn, trung hạn và dài hạn:

a) Ngắn hạn (2025-2030): Tập trung vào trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), công nghệ sinh học, vật liệu tiên tiến, và kinh tế số nhằm tạo ra những đột phá ban đầu.

b) Trung hạn (2030-2040): Phát triển mạnh mẽ các công nghệ lượng tử, tự động hóa thông minh, công nghệ năng lượng tái tạo, và y sinh tiên tiến để nâng cao năng lực nghiên cứu và ứng dụng.

c) Dài hạn (2040-2045): Định hình các công nghệ nền tảng cho cuộc cách mạng công nghiệp tiếp theo, bao gồm công nghệ nano, công nghệ sinh học ứng dụng trong y học chính xác, và trí tuệ nhân tạo cấp độ cao nhằm đưa ĐHQGHN trở thành trung tâm nghiên cứu đẳng cấp thế giới.

II. BỘ TIÊU CHÍ NHÀ KHOA HỌC XUẤT SẮC TẠI ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

1. Nguyên tắc

a) Phù hợp với các quy định của Nhà nước về tiêu chuẩn nhà khoa học đầu ngành (Điều 15 Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12/5/2014 của Chính phủ quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động KHCN).

b) Đảm bảo tính công bằng, minh bạch, khách quan.

c) Đảm bảo tính tổng thể trong đánh giá.

d) Đảm bảo phản ánh được đặc thù của các nhóm lĩnh vực chuyên môn (khoa học xã hội - nhân văn; khoa học tự nhiên - sự sống; khoa học công nghệ - kỹ thuật).

đ) Sử dụng dữ liệu định lượng, có thể kiểm đếm và xác minh được.

2. Điều kiện tham gia đánh giá

a) Cán bộ cơ hữu của ĐHQGHN, có trình độ từ tiến sĩ trở lên.

b) Đã và đang tham gia đào tạo tiến sĩ.

c) Là tác giả chính của ít nhất 03 bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín, hoặc chủ biên 01 sách chuyên khảo, hoặc là tác giả của 01 sáng chế được cấp văn bằng bảo hộ và được ứng dụng, mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội.

d) Sử dụng thành thạo ít nhất 01 ngoại ngữ trong hoạt động chuyên môn.

đ) Đã hoặc đang chủ trì ít nhất 01 nhiệm vụ KHCN cấp ĐHQGHN trở lên.

e) Đang không bị xem xét kỷ luật hoặc thi hành kỷ luật.

3. Bộ Tiêu chuẩn đánh giá

a) Tiêu chuẩn 1: Vai trò dẫn dắt hoạt động chuyên môn

TT	Tiêu chí	Các mức đánh giá	Mức đạt được (điền 0 nếu không đạt)	Điểm tối đa	Điểm đạt được (Mức 3 = 100% điểm tối đa; Mức 2 = 2/3 điểm tối đa; Mức 1 = 1/3 mức điểm tối đa)
Tiêu chuẩn 1: Vai trò dẫn dắt hoạt động chuyên môn					Tối đa 20 điểm
1.1	Hoạt động quản lý chuyên môn	- Mức 1: CN/PCN Bộ môn hoặc tương đương - Mức 2: CN/PCN Khoa hoặc GD/PGD PTN hoặc TTNC thuộc đơn vị hoặc tương đương - Mức 3: Viện trưởng/Phó VT, GD/PGD PTN, TTNC trọng điểm cấp ĐHQGHN hoặc tương đương		4	
1.2	Hoạt động dẫn dắt chuyên môn	- Mức 1: Trưởng/phó nhóm NCM cấp đơn vị - Mức 2: Trưởng/phó nhóm NCM tiềm năng cấp ĐHQGHN - Mức 3: Trưởng/phó nhóm NCM cấp ĐHQGHN trở lên		4	
1.3	a) Số lượng nghiên cứu	- Mức 1: 01 NCS		4	

TT	Tiêu chí	Các mức đánh giá	Mức đạt được (điền 0 nếu không đạt)	Điểm tối đa	Điểm đạt được (Mức 3 = 100% điểm tối đa; Mức 2 = 2/3 điểm tối đa; Mức 1 = 1/3 mức điểm tối đa)
	sinh (NCS) hướng dẫn chính đã bảo vệ luận án thành công trong 3 năm gần đây b) Số lượng NCS đang hướng dẫn	- Mức 2: 02 NCS - Mức 3: 03 NCS trở lên			
1.4	Tham gia điều phối/lãnh đạo các tổ chức hoặc mạng lưới KHCN (Hội đồng khoa học; Hiệp hội nghề nghiệp; Mạng lưới chuyên môn; Liên minh PTN...)	- Mức 1: Cấp ĐHQGHN hoặc tương đương - Mức 2: Cấp quốc gia - Mức 3: Cấp quốc tế		4	
1.5	Tham gia các ủy ban, hội đồng chuyên gia kỹ thuật của các cơ chế quốc tế như Hiệp hội nghề nghiệp, Quỹ tài trợ, Tổ chức quốc tế...	- Mức 1: Thành viên ủy ban/hội đồng chuyên gia cấp quốc gia - Mức 2: Thành viên ủy ban/hội đồng chuyên gia cấp khu vực - Mức 3: Thành viên ủy ban/hội đồng chuyên gia cấp quốc tế		4	

b) Tiêu chuẩn 2: Năng lực chuyên môn

Stt	Tiêu chí	Các mức đánh giá	Mức đạt được (điền 0 nếu không đạt)	Điểm tối đa	Điểm đạt được (Mức 3 = 100% điểm tối đa; Mức 2 = 2/3 điểm tối đa; Mức 1 = 1/3 mức điểm tối đa)
Tiêu chuẩn 2: Năng lực chuyên môn					Tối đa 25 điểm
2.1	Trình độ học thuật	- Mức 1: Tiến sĩ - Mức 2: PGS/TSKH - Mức 3: Giáo sư		8	
2.2	Giải thưởng khoa học đã đạt được	- Mức 1: Cấp ĐHQGHN - Mức 2: Cấp Quốc gia - Mức 3: Cấp Quốc tế		3	

Stt	Tiêu chí	Các mức đánh giá	Mức đạt được (điền 0 nếu không đạt)	Điểm tối đa	Điểm đạt được (Mức 3 = 100% điểm tối đa; Mức 2 = 2/3 điểm tối đa; Mức 1 = 1/3 mức điểm tối đa)
2.3	Đề tài khoa học đã chủ trì trong 03 năm gần đây	- Mức 1: Cấp ĐHQGHN - Mức 2: Cấp Quốc gia - Mức 3: Cấp Quốc tế/song phương		3	
2.4	Cấp độ nhóm nghiên cứu đang tham gia	- Mức 1: Cấp ĐHQGHN - Mức 2: Cấp Quốc gia - Mức 3: Cấp Quốc tế		2	
2.5	Tham gia Ban biên tập các tạp chí khoa học	- Mức 1: Tạp chí khoa học trong nước - Mức 2: Tạp chí khoa học nước ngoài không thuộc ISI/Scopus - Mức 3: Tạp chí khoa học thuộc ISI/Scopus		3	
2.6	Số lần được mời chủ tọa các hội thảo khoa học hoặc tiểu ban chuyên môn của hội thảo khoa học cấp quốc gia hoặc quốc tế trong 3 năm gần đây	- Mức 1: Từ 1-3 lần - Mức 2: Từ 4-6 lần - Mức 3: Trên 6 lần		3	
2.7	Số lần được mời đóng góp ý kiến tại các diễn đàn tư vấn chính sách xã hội, kinh tế, khoa học, công nghệ cấp quốc gia và quốc tế trong 03 năm gần đây	- Mức 1: Từ 1-3 lần - Mức 2: Từ 4-6 lần - Mức 3: Trên 6 lần		3	

c) Tiêu chuẩn 3: Đóng góp khoa học

Stt	Tiêu chí	Các mức đánh giá	Mức đạt được (điền 0 nếu không đạt)	Điểm tối đa	Điểm đạt được (Mức 3 = 100% điểm tối đa; Mức 2 = 2/3 điểm tối đa; Mức 1 = 1/3 mức điểm tối đa)
Tiêu chuẩn 3: Đóng góp khoa học					Tối đa 25 điểm

Stt	Tiêu chí	Các mức đánh giá	Mức đạt được (điền 0 nếu không đạt)	Điểm tối đa	Điểm đạt được (Mức 3 = 100% điểm tối đa; Mức 2 = 2/3 điểm tối đa; Mức 1 = 1/3 mức điểm tối đa)
3.1	Số lượng bài báo công bố (là tác giả chính hoặc tác giả liên hệ) trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín (ISI/Scopus) trong 05 năm gần đây (tổng số và số bài thuộc chuyên ngành trực tiếp)	- Mức 1: Từ 1-2 bài - Mức 2: Từ 3-4 bài - Mức 3: Từ 5 bài trở lên.		8	
	Số sách chuyên khảo do NXB quốc tế hoặc trường đại học nước ngoài có uy tín xuất bản bằng tiếng nước ngoài trong 5 năm gần đây	- Mức 1: Tham gia biên soạn - Mức 2: Chủ trì biên soạn 01-2 sách - Mức 3: Chủ trì biên soạn từ 03 sách trở lên			
3.2	Số sách chuyên khảo xuất bản trong nước trong vòng 05 năm gần đây	- Mức 1: Tham gia biên soạn - Mức 2: Chủ trì biên soạn 01 sách - Mức 3: Chủ trì biên soạn từ 02 sách trở lên		6	
	Số sản phẩm KHCN được chuyển giao để thương mại hóa hoặc sản xuất trong 05 năm gần đây	- Mức 1: 1 sản phẩm - Mức 2: 2 sản phẩm - Mức 3: 3 sản phẩm trở lên			
3.3	Số hợp đồng (HĐ) tư vấn chính sách/giải pháp hữu ích được áp dụng trong 03 năm gần đây	- Mức 1: 01 HĐ hoặc giải pháp - Mức 2: 02 HĐ hoặc giải pháp - Mức 3: 03 HĐ hoặc giải pháp trở lên		6	
	Số lượng sáng chế (hoặc tương đương) được cấp văn bằng bảo hộ trong 03 năm gần đây	- Mức 1: 1 sáng chế - Mức 2: 2 sáng chế - Mức 3: 3 sáng chế trở lên			
3.4	Chỉ số H-index từ CSDL Scopus: - Tham khảo thêm D-index (h-index theo chuyên ngành trực tiếp từ Research.com)	- Mức 1: Từ 6 - 12 - Mức 2: Từ 12-18 - Mức 3: Trên 18		3	

Stt	Tiêu chí	Các mức đánh giá	Mức đạt được (điền 0 nếu không đạt)	Điểm tối đa	Điểm đạt được (Mức 3 = 100% điểm tối đa; Mức 2 = 2/3 điểm tối đa; Mức 1 = 1/3 mức điểm tối đa)
	- Tỉ lệ trích dẫn/bài báo đã đăng (tác giả chính/liên hệ/đồng tác giả) qua các năm trong 05 năm gần đây - Tỉ lệ trích dẫn/bài báo đã đăng thuộc chuyên ngành trực tiếp (tác giả chính/liên hệ/đồng tác giả) qua các năm trong 05 năm gần đây				
	- Tỉ lệ trích dẫn/bài báo đã đăng (tác giả chính/liên hệ/đồng tác giả) qua các năm trong 05 năm gần đây - Tỉ lệ trích dẫn/bài báo đã đăng thuộc chuyên ngành trực tiếp (tác giả chính/liên hệ/đồng tác giả) qua các năm trong 05 năm gần đây	- Mức 1: Từ 0.2 → <1 - Mức 2: Từ 1 → <3 - Mức 3: Từ 3 trở lên			
3.5	Số bài báo trung bình/năm được công bố trên các tạp chí khoa học trong nước thuộc danh mục của Hội đồng chức danh giáo sư NN trong 3 năm gần đây	- Mức 1: 1-2 bài/năm - Mức 2: 2-3 bài/năm - Mức 3: trên 3 bài/năm		2	

d) Tiêu chuẩn 4: Năng lực hội nhập quốc tế

Stt	Tiêu chí	Các mức đánh giá	Mức đạt được (điền 0 nếu không đạt)	Điểm tối đa	Điểm đạt được (Mức 3 = 100% điểm tối đa; Mức 2 = 2/3 điểm tối đa; Mức 1 = 1/3 mức điểm tối đa)
Tiêu chuẩn 4: Năng lực hội nhập quốc tế					Tối đa 15 điểm
4.1	Trình độ ngoại ngữ	- Mức 1: Trình độ C (theo khung tham chiếu châu Âu) hoặc tương đương - Mức 2: Trình độ cử nhân ngoại ngữ trở lên		2	

Stt	Tiêu chí	Các mức đánh giá	Mức đạt được (điền 0 nếu không đạt)	Điểm tối đa	Điểm đạt được (Mức 3 = 100% điểm tối đa; Mức 2 = 2/3 điểm tối đa; Mức 1 = 1/3 mức điểm tối đa)
		- Mức 3: Hoàn thành CTĐT trình độ ĐH hoặc SDH tại nước ngoài			
4.2	Số lượng đối tác quốc tế đã và đang triển khai chung dự án KHCN trong vòng 03 năm gần đây	- Mức 1: 01 đối tác - Mức 2: 02 đối tác - Mức 3: 03 đối tác trở lên		3	
4.3	Số báo cáo được mời trình bày tại hội thảo khoa học quốc tế trong 03 năm trở lại đây	- Mức 1: 1-2 báo cáo - Mức 2: 3-4 báo cáo - Mức 3: trên 4 báo cáo		3	
4.4	Số lần được mời giảng dạy tại trường đại học hoặc nghiên cứu tại tổ chức khoa học và công nghệ có uy tín ở nước ngoài trong 05 năm gần đây	- Mức 1: 1 lần - Mức 2: 2 -3 lần - Mức 3: Từ 4 lần trở lên		2	
4.5	Tham gia hướng dẫn CH/NCS ở nước ngoài	- Mức 1: Từ 1-3 lần - Mức 2: Từ 4-6 lần - Mức 3: Trên 6 lần		2	
4.6	Số lần tham gia phản biện luận văn, luận án ở các CSGD nước ngoài	- Mức 1: Từ 1-3 lần - Mức 2: Từ 4-6 lần - Mức 3: Trên 6 lần		2	
4.7	Được bổ nhiệm GS, PGS thỉnh giảng (visiting), kiêm nhiệm (adjunct), chính thức (fulltime) tại các CSGD quốc tế	- Mức 1: Top 500 thế giới - Mức 2: Top 200 thế giới - Mức 3: Top 50 thế giới (THE hoặc QS)		1	

đ) Tiêu chuẩn 5: Cá nhân

Stt	Tiêu chí	Các mức đánh giá	Mức đạt được (điền 0 nếu không đạt)	Điểm tối đa	Điểm đạt được (Mức 3 = 100% điểm tối đa; Mức 2 = 2/3 điểm tối đa; Mức 1 = 1/3 mức điểm tối đa)
Tiêu chuẩn 5: Cá nhân					Tối đa 15 điểm
5.1	Độ tuổi	- Mức 1: Trên 60 tuổi - Mức 2: Từ 50-60 tuổi - Mức 3: Dưới 50 tuổi		2	
5.2	Thời gian công tác tại ĐHQGHN	- Mức 1: Dưới 15 năm - Mức 2: Từ 15-20 năm - Mức 3: Trên 20 năm		2	
5.3	Kết quả thẩm định Dự thảo Kế hoạch nghiên cứu chi tiết gắn với định hướng chuyên môn sâu của nhà khoa học	- Mức 1: Loại C - Mức 2: Loại B - Mức 3: Loại A		11	

III. LỘ TRÌNH PHÁT TRIỂN NHÀ KHOA HỌC, NHÓM NGHIÊN CỨU MẠNH XUẤT SẮC CHUẨN QUỐC TẾ TẠI ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

1. Giai đoạn 2024-2025

a) Giai đoạn 2024-2025, ĐHQGHN đặt mục tiêu phát triển đội ngũ 200 nhà khoa học xuất sắc, mỗi người có tối thiểu 04 bài báo công bố trên các tạp chí thuộc danh mục ISI/Scopus, qua đó tăng số lượng công bố quốc tế lên 400 -500 bài so với năm 2023. Đồng thời, ĐHQGHN sẽ thành lập Câu lạc bộ Nhà khoa học xuất sắc VNU200 nhằm kết nối, hỗ trợ và phát triển hệ sinh thái nghiên cứu chất lượng cao. Về phát triển nhóm nghiên cứu mạnh, ĐHQGHN đầu tư 50 nhóm nghiên cứu theo hai định hướng: (i). Nhóm nghiên cứu gắn với sản phẩm ứng dụng và chuyển giao công nghệ nhằm thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu; (ii). Nhóm nghiên cứu tập trung công bố quốc tế đỉnh cao, nâng cao vị thế học thuật của ĐHQGHN.

b) Ngân sách KH,CN&ĐMST năm 2025 sẽ được phân bổ theo ba tiêu chí chính:

- Thứ nhất, theo nhóm đối tượng, ưu tiên hỗ trợ các nhóm nghiên cứu mạnh, phòng thí nghiệm trọng điểm, nhà khoa học xuất sắc và tiến sĩ trẻ.

- Thứ hai, theo sản phẩm nghiên cứu, đầu tư vào các đề tài có sản phẩm ứng dụng, hỗ trợ công bố quốc tế, đăng ký sở hữu trí tuệ và thành lập doanh nghiệp spin-off.

- Thứ ba, theo các chương trình KHCN trọng điểm cấp ĐHQGHN, tập trung phát triển các lĩnh vực chiến lược bao gồm kinh tế biển, khoa học sức khỏe, và công nghệ chip - bán dẫn nhằm đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng trong thực tiễn.

2. Lộ trình và kinh phí thực hiện giai đoạn 2024-2025 đầu tư nhóm nghiên cứu mạnh, phòng thí nghiệm trọng điểm, nhà khoa học xuất sắc

STT	Tên nhiệm vụ trọng tâm đề xuất	Mục tiêu cần đạt năm 2025	Các hoạt động cụ thể	Sản phẩm đầu ra	Thời gian thực hiện - hoàn thành	ĐVT (triệu đồng)
I	Phát triển tiềm lực KH,CN&ĐMST, trong đó ưu tiên đầu tư phát triển doanh nghiệp spin-off, phòng thí nghiệm trọng điểm, nhóm nghiên cứu mạnh; triển khai các chương trình, dự án lớn và chuyển giao công nghệ gắn kết với hoạt động hợp tác hướng tới xây dựng hệ sinh thái đồng bộ từ nghiên cứu cơ bản, ứng dụng, sản xuất thử nghiệm đến thương mại hóa tạo ra sản phẩm khoa học có tính ứng dụng cao, có khả năng chuyển giao cho doanh nghiệp, đóng góp thiết thực cho cộng đồng, thể hiện trách nhiệm quốc gia của ĐHQGHN					
1	Triển khai Đề án đầu tư phát triển nhà khoa học, nhóm nghiên cứu mạnh xuất sắc chuẩn quốc tế	1. Phát triển được 50 nhóm nghiên cứu mạnh 2. Phát triển được câu lạc bộ 200 nhà khoa học xuất sắc	1. Xây dựng bộ tiêu chí hiệu suất, hiệu quả nghiên cứu theo chuẩn quốc tế tại ĐHQGHN 2. Đầu tư, phát triển 50 nhóm nghiên cứu; hình thành câu lạc bộ 200 nhà khoa học xuất sắc.	1. 50 nhóm nghiên cứu mạnh 2. Câu lạc bộ 200 nhà khoa học xuất sắc	01/2025 - 12/2025	50.000
2	Triển khai chính sách hỗ trợ tài chính đối với cán bộ khoa học xuất sắc của ĐHQGHN	Hoàn thành chỉ tiêu 3.000 công bố quốc tế	1. Triển khai xét duyệt hỗ trợ. 2. Tạm ứng kinh phí. 3. Đánh giá kết quả.	3.000 công bố quốc tế	01/2025 - 12/2025	10.500
3	Triển khai các chương trình nghiên cứu trọng điểm		1. Tiếp tục triển khai 03 chương trình: Kinh tế biển; sức khỏe; chip - bán dẫn 2. Triển khai 05 chương trình mới: Công nghiệp văn hóa;	1. Tối thiểu mỗi chương trình có 05 nhiệm vụ được phê duyệt mới, triển khai 2. Tối thiểu mỗi chương trình có 03	01/2025 - 12/2025	16.500

STT	Tên nhiệm vụ trọng tâm đề xuất	Mục tiêu cần đạt năm 2025	Các hoạt động cụ thể	Sản phẩm đầu ra	Thời gian thực hiện - hoàn thành	ĐVT (triệu đồng)
			kinh tế ĐMST; tộc người; máy gia tốc; sinh học	nhiệm vụ được phê duyệt mới, triển khai		
4	Phát triển doanh nghiệp spinoff/startup	Bước đầu hình thành được hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST trong ĐHQGHN	1. Đầu tư, phát triển sản phẩm KH&CN có tiềm năng thương mại hóa 2. Đầu tư dự án sản xuất thử nghiệm 3. Hỗ trợ thành lập doanh nghiệp spinoff/ startup	15 doanh nghiệp spinoff/ startup	01/2025 - 12/2025	7.500
5	Phát triển viện nghiên cứu	Triển khai các Đề án phát triển viện nghiên cứu	1. Xây dựng các Đề án, trình Giám đốc phê duyệt. 2. Bố trí nguồn lực và phê duyệt các nhiệm vụ để triển khai Đề án. 3. Kiểm tra, đánh giá, tổng kết.	Các Đề án phát triển viện nghiên cứu được phê duyệt, triển khai	01/2025 - 12/2025	12.000
6	Phát triển hệ thống tạp chí quốc tế	Xây dựng được hệ thống tạp chí của ĐHQGHN đạt chuẩn quốc tế	Tổ chức triển khai 05 đề án phát triển các tạp chí đạt chuẩn quốc tế: - Đề án xây dựng Tạp chí “VNU Journal of ASEAN Social Development Issues” (“Tạp chí các vấn đề phát triển xã hội ASEAN”) đạt chuẩn quốc tế. - Đề án phát triển “Tạp chí Nghiên	Chọn 2-3 tạp chí khả thi ưu tiên đầu tư đạt chuẩn quốc tế	01/2025 – 12/2025	6.000

STT	Tên nhiệm vụ trọng tâm đề xuất	Mục tiêu cần đạt năm 2025	Các hoạt động cụ thể	Sản phẩm đầu ra	Thời gian thực hiện - hoàn thành	ĐVT (triệu đồng)
			<i>cứu nước ngoài” (Journal of Foreign Studies) đạt chuẩn quốc tế.</i> - Đề án xây dựng Tạp chí VNU Journal of Economics and Business đạt chuẩn quốc tế. - Đề án nâng cấp ấn phẩm khoa học liên ngành “La Francophonie en Asie – Pacifique” (Nghiên cứu cộng đồng Pháp ngữ ở Châu á – Thái Bình Dương” thành Tạp chí đạt chuẩn quốc tế. - Đề án phát triển Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Nghiên cứu Chính sách và Quản lý (VNU Journal of Science: Policy and Management Studies) đạt chuẩn quốc tế.			

* **Ghi chú:** Các nhiệm vụ bố trí theo thứ tự ưu tiên phù hợp với nguồn lực được bố trí.

3. Lộ trình và kinh phí thực hiện giai đoạn 2026-2030 đầu tư nhóm nghiên cứu mạnh, phòng thí nghiệm trọng điểm, nhà khoa học xuất sắc

STT	Tên nhiệm vụ trọng tâm đề xuất	Mục tiêu cần đạt năm 2030	Các hoạt động cụ thể	Sản phẩm đầu ra	Thời gian thực hiện - hoàn thành	ĐVT (triệu đồng)
II	Đạt mục tiêu đại học nghiên cứu chuẩn quốc tế, xếp hạng top 500, thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 23/11/2023					
1	Nâng cao năng lực công bố quốc tế (CBQT), tỷ lệ công bố đạt 1.8/GV	Tỷ lệ CBQT đạt 1.8/GV	- Hỗ trợ CBQT - Đặt hàng, thưởng vượt trội CBQT	- Nhà khoa học (TS trở lên): 4.100 - CBQT: 7.500	2026-2030	100.000
2	Phát triển câu lạc bộ 500 nhà khoa học xuất sắc (NKHXS)	- NKHXS quốc tế: 50 - NKHXS: 500 - NKH tiềm năng: 1.000	- Đào tạo, bồi dưỡng NKH tiềm năng, NKHXS - Ưu tiên đầu tư ĐTQG, ĐT trọng điểm - Thu hút NKHXS nước ngoài tham gia nhóm nghiên cứu	- NKHXS quốc tế: 50 - NKHXS: 500 - NKH tiềm năng: 1.000	2026-2030	Đã đầu tư qua các nhóm nhóm nghiên cứu; CBQT
3	Đầu tư 100 nhóm nghiên cứu mạnh (NNCM)	Mỗi năm tăng 20% NNCM	- Ưu tiên đầu tư ĐTQG, ĐT trọng điểm dưới dạng vốn mới “seed funding” - Thu hút NKHXS nước ngoài tham gia nhóm nghiên cứu	Mỗi năm đầu tư tăng thêm 5-8 NNCM, mỗi nhóm đầu tư khoảng 1-2 tỷ/năm (qua các ĐT)	2026-2030	500.000
4	Phát triển 15-20 lĩnh vực được xếp hạng quốc tế (Phụ lục 1)	Mỗi năm thêm 2-3 lĩnh vực được xếp hạng	Ưu tiên đầu tư ĐTQG, ĐT trọng điểm trong các ngành, lĩnh vực đạt mức xếp hạng từ 80% trở lên	15-20 lĩnh vực được xếp hạng quốc tế (mức độ đáp ứng xếp hạng từ 80% trở lên)	2026-2030	Đã đầu tư qua các nhóm nghiên cứu; CBQT
5	Phát triển hệ thống TCQT	Xây dựng được hệ thống tạp chí của ĐHQGHN	- Ưu tiên đầu tư lộ trình xếp hạng quốc tế - Thu hút TBT, CTV uy tín thế giới	05 tạp chí đạt chuẩn quốc tế	2026-2030	50.000

		đạt chuẩn quốc tế	trong ngành, lĩnh vực			
6	Phát triển các Viện nghiên cứu		Ưu tiên đầu tư Đề tài, nhiệm vụ gắn với KPI, Đề án phát triển các Viện đã được phê duyệt Đầu tư dưới dạng seed funding	Khoảng 2-3 tỷ/viện/năm	2026-2030	75.000
7	Phát triển hệ thống doanh nghiệp spinoff, Startup trong hệ sinh thái ĐMST	Xây dựng được hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST ở ĐHQGHN	- Đầu tư thông qua VNUHoldings - Đầu tư seed funding, hỗ trợ qua Trung tâm Chuyển giao tri thức và Hỗ trợ khởi nghiệp	500 tr/doanh nghiệp	2026-2030	50.000
8	Phát triển hệ thống sản phẩm KH, SHTT chuyển giao, thương mại hoá, tạo nguồn thu từ KHCN		Đầu tư gián tiếp qua các kênh XTĐT, Alumni, KHCN, VSL, Quỹ phát triển KHCN, Quỹ phát triển ĐHQGHN.		2026-2030	Đã đầu tư qua các nhóm nghiên cứu

IV. GIẢI PHÁP, CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN NHÀ KHOA HỌC, NHÓM NGHIÊN CỨU XUẤT SẮC CHUẨN QUỐC TẾ TẠI ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

1. Cơ chế tài chính và nguồn thu nhập đa dạng

a) Tăng thu nhập cứng từ ngân sách và quỹ nội bộ

- Thành lập Quỹ phát triển khoa học xuất sắc: Nhận kinh phí từ ĐHQGHN, các đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức tài trợ.
- Chi trả thu nhập tăng thêm theo hiệu suất (KPI-based Salary).
- Lương cơ bản + thu nhập tăng theo hiệu quả công việc (giảng dạy, nghiên cứu).
- NKHXS chuẩn ĐHQGHN được hưởng tối thiểu gấp 03 lần tổng thu nhập lương hàng tháng.
- NKHXS chuẩn quốc tế được hưởng tối thiểu gấp 05 lần tổng thu nhập theo lương hàng tháng.

b) Cơ chế "Thưởng công trình"

- Thưởng bài báo khoa học đột phá: Bài báo top 1% ngành: 200-300 triệu đồng/bài; Nhóm Q1: 100 triệu đồng/bài, nhóm Q2: 50 triệu đồng/bài.

- Thường sáng chế, chuyển giao công nghệ: Patent quốc tế (WIPO, USPTO, EPO): 500 triệu - 1 tỷ đồng/sáng chế; Chuyển giao công nghệ: Nhận 30-50% doanh thu từ thương mại hóa sản phẩm nghiên cứu.

c) Huy động doanh nghiệp và quỹ nghiên cứu tư nhân

- Thiết lập cơ chế "doanh nghiệp bảo trợ nhà khoa học" hỗ trợ tài chính.
- Cho phép các cá nhân/tổ chức tài trợ trực tiếp vào Quỹ nhà khoa học xuất sắc.

2. Cơ chế đảm bảo thu nhập từ nghiên cứu, giảng dạy

a) Cơ chế nghiên cứu có thu nhập cao

- Trong 03 năm đầu công tác tại ĐHQGHN được ưu tiên giao đề tài/chương trình/nhiệm vụ có kinh phí lớn (1- 3 tỷ đồng đối với NKHXS chuẩn ĐHQGHN; 5-10 tỷ đồng đối với NKHXS chuẩn mực quốc tế).
- Cho phép nhà khoa học đăng ký thành lập công ty spin-off, được hỗ trợ đặc biệt về thuế, đầu tư ban đầu (theo mô hình của Cambridge và Stanford).

b) Hệ thống "giảng dạy tinh hoa" có thu nhập cao

- Ưu tiên giảng dạy chương trình chất lượng cao, liên kết quốc tế với mức thù lao cao.
- Tổ chức khóa học chuyên đề, masterclass, thu phí từ học viên.

3. Chính sách đặc quyền để thu hút nhân tài

- Chương trình KHCN: Được ưu tiên đề cử tham gia hoặc làm Giám đốc Chương trình KHCN quan trọng của đất nước, của ĐHQGHN.
- Hội nghị/hội thảo quốc tế: Được tài trợ chi phí tham gia hội nghị/hội thảo quốc tế hàng năm (02 lượt đối với NKHXS chuẩn ĐHQGHN, 05 lượt với NKHXS chuẩn mực quốc tế).
- Học bổng: Được cấp học bổng cho NCS do NKHXS hướng dẫn (NKHXS chuẩn ĐHQGHN được cấp 01 suất/năm, NKHXS chuẩn mực quốc tế được cấp 03 suất/năm).
- Phát triển chuyên môn: Sau 02 năm công tác, nhà khoa học xuất sắc có thể nghỉ 3-6 tháng để nghiên cứu tại Harvard, MIT, Oxford...

4. Nhóm giải pháp dài hạn - đầu tư cho NKH theo đối tượng

- Ươm tạo nhà khoa học trẻ: Sinh viên xuất sắc, thực tập sinh xuất sắc, học sinh cấp 3, trường chuyên VNU12+
- Tiềm năng: Tiến sĩ trẻ
- Phó giáo sư
- Giáo sư đầu ngành

Ươm tạo NKH trẻ	Tiến sĩ trẻ	Phó giáo sư	Giáo sư đầu ngành
Đầu tư dưới dạng ĐTCS cho giảng viên và sinh viên xuất sắc thực hiện nghiên cứu	Rút ngắn thời gian đào tạo 01 học kỳ từ 15 tuần xuống 8-10 tuần, để giảng viên có 5-7 tuần chuyên tâm nghiên cứu, phát triển chuyên môn ở nước ngoài, tham gia các nhóm nghiên cứu quốc tế	- PR, vinh danh mạnh để tạo động lực cho nhà khoa học, đặc biệt những sản phẩm mang tính ứng dụng và hiệu quả xếp hạng cao => Tăng Impact Ranking. - Đối với lĩnh vực ứng dụng của KHTNCNYD, cán bộ khoa học gắn cơ hữu với doanh nghiệp, phát triển các sản phẩm phục vụ phát triển kinh tế xã hội, đời sống của nhân dân => Tăng xếp hạng theo lĩnh vực. - Đầu tư phát triển các trung tâm nghiên cứu suất sắc (CEO) ở ĐHQGHN => thúc đẩy công bố đỉnh cao.	
Học bổng NCS, TTS xuất sắc		- Đầu tư, ương tạo các NNC xuất sắc nhằm gắn với sản xuất thử nghiệm và phát triển sản phẩm trọng điểm => Đầu tư đề tài, sản phẩm theo chuỗi, dài hạn	
	Tăng cường hoạt động thu hút các giáo sư, nhà khoa học trẻ xuất sắc từ quốc tế tham gia nhóm PTN, TTNC, NNC ở ĐHQGHN		
	- Tháo gỡ cơ chế, chính sách đối với thành lập doanh nghiệp Spinoff, Startup - Có cơ chế phái gửi/cử nhà khoa học ra làm việc với các doanh nghiệp trong một khoảng thời gian cố định, ngắn hạn, định kỳ		
	- Thưởng CBQT, SHTT - Thưởng CBQT vượt trội - Đầu tư đối ứng doanh nghiệp, địa phương, nước ngoài.		
- Các cấu phần dự án phi xây dựng của WB - Tăng cường truyền thông về các chính sách mới, tiên phong của ĐHQGHN: Ươm tạo NKHXS, thu hút NKHXS, thưởng CBQT, đầu tư vun cao, giảm giờ định mức đối với Trưởng Nhóm NCM... - Chính sách tài chính, hỗ trợ cơ sở vật chất. - Xây dựng hệ thống Tạp chí Quốc tế - Elsevier.			